

Bản tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH - KINH TẾ

- ☒ Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
- ☐ Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- ☐ Tin KINH TẾ VIỆT NAM
- ☐ Tin KINH TẾ QUỐC TẾ





NỘI DUNG CHÍNH

Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- Tổng quan thị trường
- Đồ thị một số chỉ báo phổ biến



Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng
- Đến 25/3, tăng trưởng tín dụng đạt 0,26%, thấp hơn nhiều so với cùng kỳ
- Ít nhất 17 ngân hàng đã công bố lãi suất cho vay bình quân, thấp nhất là 6,3%/năm

Tin KINH TẾ VIỆT NAM

- PMI tháng 3: Nhu cầu giảm khiến sản lượng và lượng đơn đặt hàng mới giảm
- Tổng cục Thống kê: Các kích bản tăng trưởng đều ở mức khá cao
- World Bank: Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng GDP lên 8%

Tin KINH TẾ QUỐC TẾ

- World Bank: Kinh tế châu Á không tốt như kỳ vọng
- Trung Quốc bắt ngờ đón 'tin vui' sau khi công bố hàng loạt dữ liệu mới

Sacombank

Bảng chỉ số

(Thứ Ba, ngày 02/04/2024)



Chứng khoán

VN - INDEX	1,281.52	↓	-0.20%
HNX - INDEX	242.90	↑	0.13%
DOW JONES INDUS	39,566.85	↓	-0.60%
EURO STOXX 50 PR	5,083.42		0.00%
CSI 300 INDEX	3,595.65	↑	1.64%

Vàng (SJC cập nhật 08h30)

SJC (Ng.đ/Lượng)	81.100	↑	0.12%
Quốc tế (USD/Oz)	2,252.60	↑	0.00%

Tỷ giá (USD/VND cập nhật 08h30)

USD/VND (BQ LNH)	24.005	↑	0.00%
DXY	105.02	↑	0.54%
EUR/USD	1.0732	↓	-0.60%
USD/JPY	151.67	↑	0.24%
USD/CNY	7.2308	↑	0.12%

Hàng hóa

Dầu thô WTI (USD/th)	83.94	↑	1.05%
----------------------	-------	---	-------

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



- Chỉ số Dollar Index (DXY) tăng 0.45% lên mốc 104.96. Đồng USD đã tăng hôm qua do có thông tin rằng lĩnh vực sản xuất của Mỹ đã tăng trưởng lần đầu tiên trong tháng 3 kể từ tháng 9/2022.

Viện Quản lý Cung ứng cho biết, sản xuất của Mỹ phục hồi và số lượng đơn đặt hàng mới tăng lên, mặc dù việc làm tại nhà máy vẫn giảm và giá đầu vào tăng. Sự phục hồi đã chấm dứt 16 tháng liên tiếp suy thoái trong lĩnh vực sản xuất, chiếm 10,4% nền kinh tế. Đó là thời kỳ thu hẹp dài nhất kể từ tháng 8/2000 đến tháng 1/2002.



- Giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 2,240.04 USD/Ounce. Giá vàng tăng lên mức cao kỷ lục mới được thúc đẩy bởi kỳ vọng hạ lãi suất Mỹ và sức hấp dẫn của vàng như một tài sản trú ẩn an toàn. Đà leo dốc của giá vàng đến nay được thúc đẩy nhờ hoạt động mua vào mạnh mẽ từ các NHTW thế giới nhằm đa dạng hoá danh mục dự trữ do rủi ro địa chính trị, lạm phát trong nước và sự suy yếu của USD.

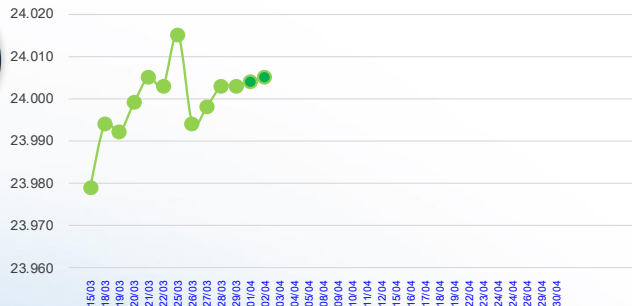


- Giá dầu thô của Mỹ WTI tăng 0.65% lên 83.71 USD/thùng. Các hợp đồng dầu thô tương lai tăng vào ngày đầu tiên của quý 2 trong phiên giao dịch ngày 01/4, trong bối cảnh có thông tin rằng lãnh sự quán Iran ở Damascus, Syria, đã bị tấn công bằng tên lửa.

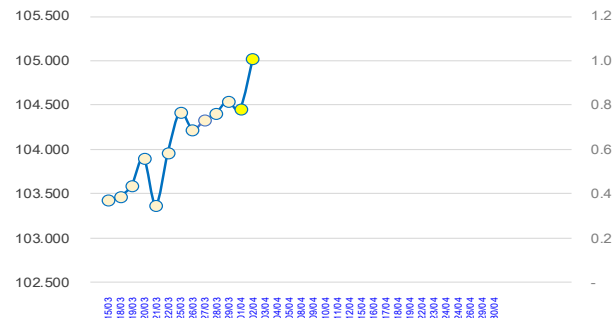
ĐỒ THỊ MỘT SỐ CHỈ BÁO PHỔ BIẾN



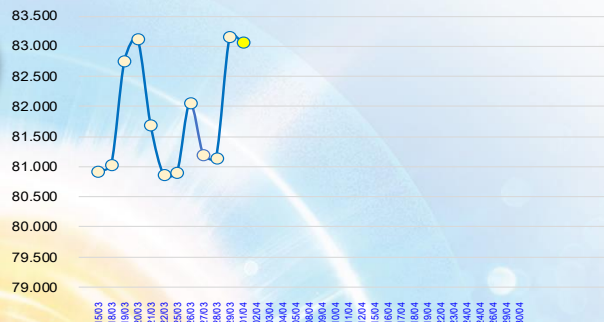
Tỷ giá trung tâm - Tháng 04/2024



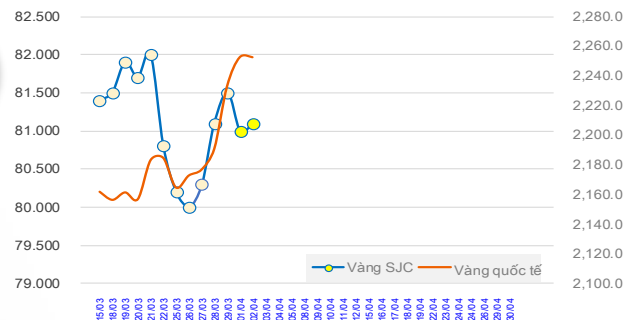
Chỉ số DXY - Tháng 04/2024



Giá dầu thô - Tháng 04/2024



Giá vàng - Tháng 04/2024



Xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng



Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 257/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) số 32/2024/QH15. Theo đó, trong Q.I,II/2024 và các năm tiếp theo, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chủ trì tổ chức quán triệt, phổ biến các quy định của Luật... Tháng 4/2024, NHNN chủ trì thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền ban hành; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các VBQPPL đảm bảo phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết dưới Luật. NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh & Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên môi trường rà soát các nội dung quy định tại Luật Các TCTD, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các TCTD theo thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật Các TCTD từ 01/7/2024. Đối với các văn bản đã được đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ, ngành: Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cập nhật nội dung đã được rà soát phải sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện. Đối với các văn bản chưa có trong Chương trình công tác của Chính phủ, Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ, ngành, các bộ, ngành chủ động rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền đưa vào Chương trình xây dựng VBQPPL; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

Đến ngày 25/3, tăng trưởng tín dụng đạt 0,26%, thấp hơn nhiều so với cùng kỳ

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến 25/3/2024, huy động vốn của các TCTD ↓0,76% sv cuối năm 2023 (cùng thời điểm 2023 ↑2,17%), tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế (KT) đến 25/3 đạt 0,26% (cùng thời điểm 2023 ↑1,99%). Đến ngày 25/3, tăng trưởng tín dụng đạt 0,26%, thấp hơn nhiều sv cùng kỳ. Tín dụng tiếp tục được định hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và động lực tăng trưởng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của người dân, doanh nghiệp (DN). Đồng thời, xu hướng giảm lãi suất (LS) huy động và cho vay tiếp tục được duy trì ở mặt bằng thấp. Cụ thể, LS tiền gửi bình quân (BQ) bằng VND trong tháng 2/2024 của ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước ở mức 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; từ 2,2-3,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3-5,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6,8-7,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,9-7,3%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Đối với LS cho vay BQ của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 7,7-9,9%/năm.



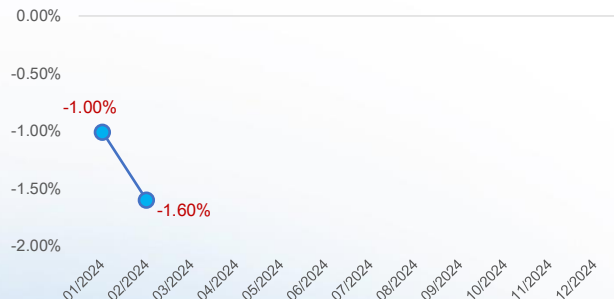
Ít nhất 17 ngân hàng đã công bố lãi suất cho vay bình quân, thấp nhất là 6,3%/năm

Ngân hàng	Lãi suất cho vay BQ	Chênh lệch lãi suất	Lãi suất huy động BQ	Chi phí liên quan	KHCN	KHDN
VietinBank	6,3%	2,5%	3,9%			
Vietcombank	6,4%	3,4%	3,0%	1,6%		
BIDV	6,5%	3,1%	3,4%			
Techcombank	7,3%	4,3%	3,0%			
Agribank	7,5%	3,3%	4,2%	1,8%		
LPBank	7,5%	2,1%	5,4%			
TPBank	7,8%	3,8%	4,0%		8,9%	7,3%
VIB	7,9%	3,2%	4,7%		7,9%	7,3%
MB	7,9%	3,7%	4,2%			
PG Bank	8,1%	2,9%	5,2%			
Eximbank	8,2%	3,0%	5,2%		9,1%	6,9%
ACB	8,8%	4,1%	4,7%		9,0%	8,6%
Kienlongbank	9,1%	3,5%	5,6%			
BVBank	9,4%	3,8%	5,6%		9,9%	8,5%
Saigonbank	9,9%	4,4%	5,5%			
OCB		3,7%			8,0%	9,3%
ABBank		2,7%			7,4%	6,1%
Trung bình	7,9%	3,4%	4,5%			

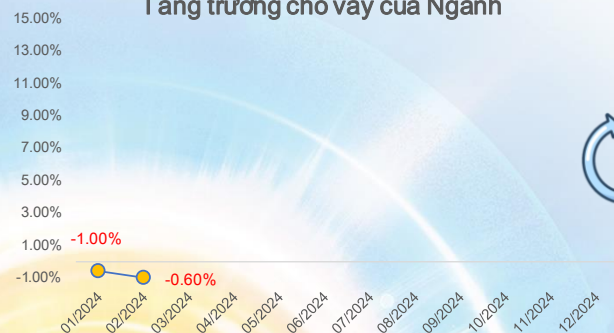
Tính đến sáng 1/4, đã có ít nhất 17 ngân hàng (NH) công bố LS cho vay BQ. Tuy nhiên, cách công bố của mỗi NH có sự khác nhau. Phần lớn các NH đều đã công bố 3 chỉ tiêu quan trọng là LS cho vay BQ, chênh lệch LS huy động - cho vay hoặc LS huy động BQ (có thể tính toán từ 2 số liệu trên). Theo danh sách trên, NH có LS cho vay BQ thấp nhất là VietinBank, ở mức 6,3%/năm, trong khi NH đang cho vay với LS cao nhất là SaigonBank, đạt 9,9%/năm. LS cho vay trung bình của các NH này (loại trừ các NH không công bố thông tin) là 7,9%/năm. NH đang huy động LS BQ thấp nhất là Techcombank và Vietcombank, ở mức 3%/năm. Đại diện Big4 như VietinBank và BIDV xếp vị trí tiếp theo với LS huy động trong 3,4-3,9%/năm. Agribank có LS huy động trung bình là 4,2%/năm. NH có lợi thế về CASA như Techcombank, MB hay ACB cũng ghi nhận chênh lệch LS BQ ở mức cao. Ngoài ra, Vietcombank và Agribank còn liệt kê chi phí liên quan đến huy động vốn, sử dụng vốn, kéo chênh lệch giữa LS thực tế của NH xuống thấp hơn. Cụ thể, chênh lệch giữa LS sau khi trừ chi phí của Vietcombank là 1,8%/năm còn Agribank là 1,5%/năm. Ngoài 17 NH trên, 1 số NH khác cũng công bố LS cho vay dưới dạng LS cơ sở, chẳng hạn như VPBank, Sacombank ...

BIỂU ĐỒ HUY ĐỘNG, CHO VAY, TỶ GIÁ, LÃI SUẤT

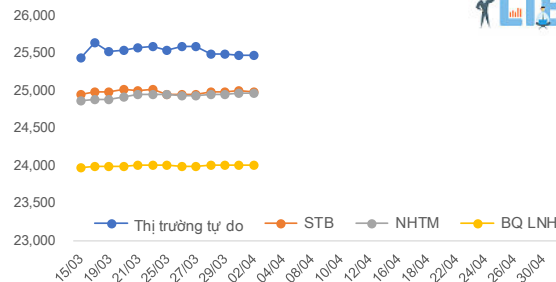
Tăng trưởng huy động của Ngành



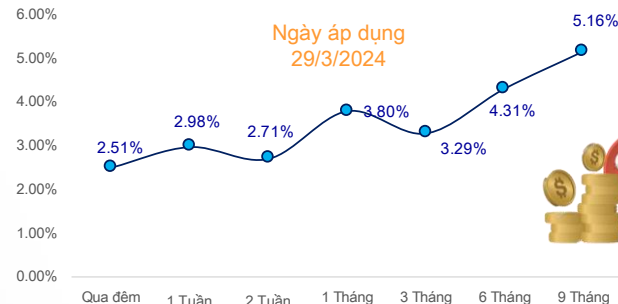
Tăng trưởng cho vay của Ngành



Tỷ giá liên ngân hàng tháng 04/2024



Lãi suất bình quân liên ngân hàng



Ngày áp dụng
29/3/2024



PMI tháng 3: Nhu cầu giảm khiến sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global PMI
Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



PMI ngành sản xuất tháng 3 của Việt Nam (VN) đã giảm về dưới ngưỡng 50, với kết quả 49,9 điểm sau khi đạt 50,4 điểm trong tháng 2. Với kết quả này, chỉ số báo hiệu kết thúc của thời kỳ cải thiện điều kiện kinh doanh kéo dài 2 tháng đầu 2024 nhưng cho thấy các điều kiện hoạt động về tổng thể gần như không thay đổi. Có dấu hiệu cho thấy nhu cầu yếu trong tháng 3, từ đó số lượng đơn đặt hàng mới giảm dù giá hàng hóa đã được chiết khấu để giúp tăng doanh số. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm và mức độ giảm là lớn nhất kể từ tháng 7/2023 trong bối cảnh có áp lực cạnh tranh và các vấn đề về địa chính trị. Khi số lượng đơn đặt hàng mới giảm, các công ty đã giảm sản lượng vào cuối Q.I của năm sau khi tăng trong tháng 1&2. Tuy nhiên, mức giảm của sản lượng chỉ là nhỏ, và chỉ giới hạn trong các công ty sản xuất hàng hóa trung gian khi các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu tư cơ bản vẫn ghi nhận tăng trưởng. Mặc dù, có sự yếu kém trong tháng 3, các nhà sản xuất đã ngày càng tin tưởng rằng sản lượng sẽ tăng trong thời gian 1 năm tới. Mức độ lạc quan là mạnh nhất trong thời gian 1,5 năm... Giám đốc KT S&P Global Market Intelligence bình luận: “Tăng trưởng của ngành sản xuất VN đã chậm lại trong tháng 3 khi nhu cầu giảm đã kìm hãm đà tăng của số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng. Tình trạng nhu cầu yếu cũng được phản ánh trong các chỉ số giá cả của khảo sát PMI khi tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại và giá bán hàng đã giảm. Một điểm tích cực hơn là các công ty đang ngày càng lạc quan rằng ngành sản xuất sẽ tăng trưởng trở lại trong những tháng tới, và niềm tin kinh doanh này đã giúp việc làm tăng vào cuối quý đầu của năm”.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê: Các kịch bản tăng trưởng đều ở mức khá cao



Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cho rằng, kết quả tăng trưởng của 1 số lĩnh vực đã có dấu hiệu tích cực nhưng KT Q.I vẫn duy trì tăng trưởng tích cực nhờ hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và điều hành, quản lý vĩ mô của Chính phủ, Thủ tướng, các bộ, ngành và địa phương. Tốc độ tăng GDP Q.I đạt 5,66% sv cùng kỳ 2023, đây là tốc độ tăng cao nhất của Q.I từ 2020 đến nay. Tuy nhiên, nền KT vẫn còn hạn chế như: ngành nông nghiệp đối mặt với hiện tượng xâm nhập mặn có nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất lúa Đông Xuân ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất 1 số ngành công nghiệp chủ lực giảm sv cùng kỳ 2023. Chỉ số IIP Q.I của 1 số ngành như sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị; sản xuất phương tiện vận tải khác... giảm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa Q.I của 1 số mặt hàng ước tính giảm sv cùng kỳ 2023, ảnh hưởng đến sản xuất, tiêu dùng trong thời gian tới... Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp khó lường của KT toàn cầu, phục hồi tăng trưởng chậm cùng với những áp lực từ giá cả, lạm phát và xu hướng giảm cầu tiêu dùng, thương mại trong nước và quốc tế vẫn là những trở ngại, thách thức lớn trong điều hành và phát triển KT cũng như xây dựng các kịch bản tăng trưởng cho những quý tiếp theo. Căn cứ kết quả hoạt động KT trong nước và diễn biến KT thế giới trong Q.I/2024, Tổng cục Thống kê cập nhật 2 kịch bản tăng trưởng theo Nghị quyết 01/2024 lần lượt như sau: Kịch bản 1 (2024 ▲6%): Q.I ▲5,66%; 9 tháng cuối năm ▲6,12%; trong đó, Q.II ▲5,85%; Q.III ▲6,22%; Q.IV ▲6,28%. Kịch bản 2 (2024 ▲6,5%): Q.I ▲5,66%; 9 tháng cuối năm ▲6,75%; trong đó, Q.II ▲6,32%; Q.III ▲6,79%; Q.IV ▲7,08%.

World Bank: Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng GDP lên 8%

Table 1. GDP growth forecast

	2015-19	2020	2021	2022	2023	Apr 2024 forecast for 2024	for 2025	Oct 2023 forecast for 2023	for 2024
East Asia & Pacific	6.4	1.3	7.5	3.4	5.1	4.5	4.3	5.0	4.5
East Asia & Pacific (excluding China)	4.9	-3.5	2.7	5.8	4.4	4.6	4.8	4.6	4.7
Pacific Island Countries	3.0	-10.2	-3.5	6.4	5.6	3.6	3.3	5.2	3.6
China	6.7	2.2	8.4	3.0	5.2	4.5	4.3	5.1	4.4
Indonesia	5.0	-2.1	3.7	5.3	5.0	4.9	5.0	5.0	4.9
Malaysia	4.9	-5.5	3.3	8.7	3.7	4.3	4.4	3.9	4.3
Philippines	6.6	-9.5	5.7	7.6	5.6	5.8	5.9	5.6	5.8
Thailand	3.4	-6.1	1.6	2.5	1.9	2.8	3.0	3.4	3.5
Viet Nam	7.1	2.9	2.6	8.1	5.0	5.5	6.0	4.7	5.5
Cambodia	7.1	-3.1	3.0	5.2	5.4	5.8	6.1	5.5	6.1
Laos PDR	6.6	0.5	2.5	2.7	3.7	4.0	4.1	3.7	4.1
Mongolia	4.6	-4.4	1.6	5.0	7.1	4.8	6.6	5.1	6.1
Myanmar	6.4	6.6	-9.0	-12.0	4.0	1.3	2.0	3.0	2.0
Papua New Guinea	4.0	-3.2	0.1	4.3	2.7	4.8	3.6	3.0	5.0
Timor-Leste	5.1	-8.3	2.9	4.0	2.1	3.6	4.5	2.4	3.5
Palau	1.0	-9.1	-13.4	-2.0	0.8	12.4	11.9	-1.4	10.4
Fiji	3.1	-17.0	-4.9	20.0	8.0	3.5	3.3	7.7	4.0
Solomon Isl.	3.0	-3.4	-0.6	-4.1	1.9	2.8	3.1	1.8	2.7
Tuvalu	6.7	-4.3	1.8	0.7	3.9	3.5	2.4	3.9	3.5
Marshall Isl.	4.8	-1.8	1.0	-4.5	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0
Vanuatu	3.5	-5.0	0.6	1.9	2.5	3.7	3.5	1.5	2.6
Kiribati	2.5	-0.6	8.5	3.9	4.2	5.6	2.0	2.5	2.4
Tonga	2.4	0.5	-2.7	-2.0	2.6	2.5	2.2	2.6	2.5
Samoa	3.4	-3.1	-7.1	-5.3	8.0	4.5	3.6	6.0	4.0
Micronesia	1.9	-1.8	-3.2	-0.6	0.8	1.1	1.7	2.8	2.8
Nauru	2.4	0.7	7.2	2.8	0.6	1.4	1.2	2.0	1.5

Trong Báo cáo Cập nhật KT Đông Á-Thái Bình Dương với tiêu đề "Nền tảng Vững chắc cho Tăng trưởng" công bố ngày 1/4, NH Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP của VN trong 2024 là 5,5%. Theo KT trưởng Đông Á-Thái Bình Dương WB, giống như các quốc gia khác trong khu vực, rủi ro khác với nền KT VN là trong khi thương mại toàn cầu phục hồi và điều kiện tài chính nói lỏng sẽ hỗ trợ các nền KT trong khu vực, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và chính sách không chắc chắn sẽ kìm hãm tăng trưởng. Bên cạnh đó, lĩnh vực bất động sản đang là lĩnh vực gây ra quan ngại. Ngoài ra, VN là 1 quốc gia đang phát triển nhưng chưa có những cải cách lớn cần thiết trong dịch vụ, cải thiện đầu tư, thực hiện đầu tư công, gồm sự phối kết hợp giữa các địa phương và đầu tư vào thích ứng. Đây là những lĩnh vực mà VN cần cải thiện để đảm bảo tăng trưởng của quốc gia. Tuy nhiên, VN là quốc gia có tiềm năng lớn, nằm trong số các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao với tiềm năng #8%. Vì vậy, GDP 5,5% tốt hơn sv nhiều quốc gia khác nhưng không đạt tiềm năng của 1 đất nước như VN. “Đích đến cho việc lựa chọn Trung Quốc + 1, đó chính là VN. Theo đó, VN có thể thu hút được đầu tư rất lớn”. Báo cáo triển vọng tăng trưởng KT 2024 WB công bố hồi đầu năm cũng cho rằng, tăng trưởng KT của VN trong 2024 sẽ là 5,5% và 2025 là 6%. VN tiếp tục nằm trong nhóm đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng KT. “VN cần tiếp tục gia hạn thêm các chính sách hỗ trợ nền KT thông qua chính sách tài khóa, bằng cách đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng và dự án đầu tư công, nhằm thúc đẩy tăng trưởng KT trong ngắn hạn và dài hạn”.

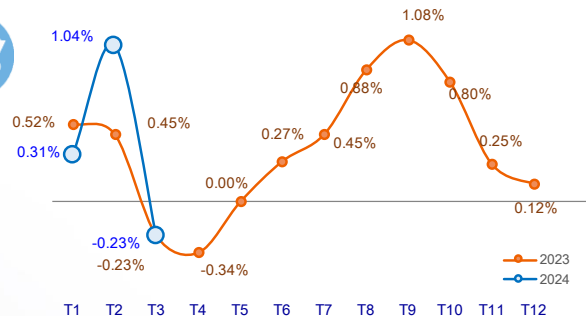
BIỂU ĐỒ MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ



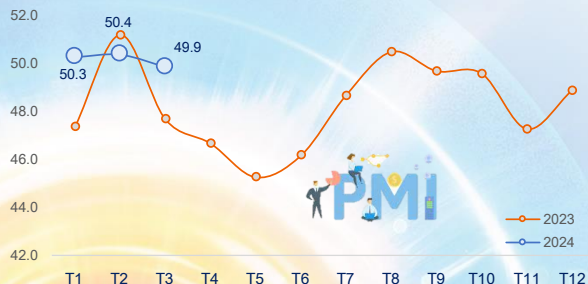
GDP năm 2023 - 2024



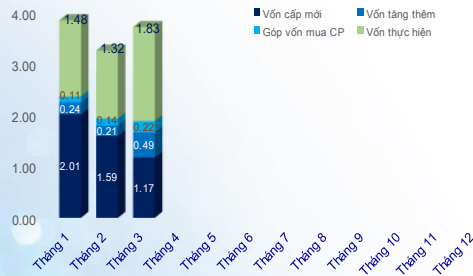
CPI năm 2023-2024



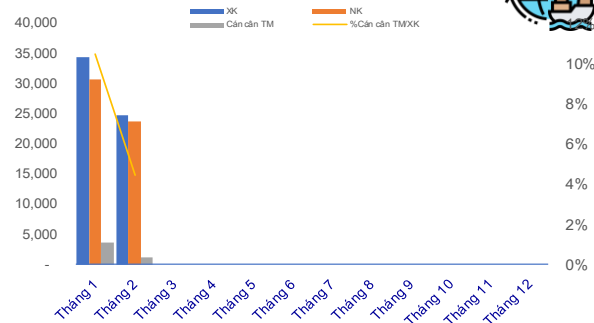
PMI năm 2023 - 2024



Vốn FDI năm 2024



Xuất - Nhập khẩu năm 2024



World Bank: Kinh tế châu Á không tốt như kỳ vọng



Báo cáo của WB vừa công bố cho biết, nợ nần, rào cản thương mại và những bất ổn về chính sách đang làm suy yếu sự năng động KT của châu Á. Từ mức 5,1% vào 2023, tăng trưởng khu vực trong 2024 dự báo giảm còn 4,5%, chậm hơn sv trước đại dịch nhưng vẫn nhanh hơn các khu vực khác trên thế giới. Theo KT trưởng của WB tại Đông Á và Thái Bình Dương: "Khu vực này đang hoạt động tốt hơn phần lớn còn lại của thế giới nhưng lại chưa phát huy hết tiềm năng của chính mình". Thương mại toàn cầu phục hồi và triển vọng các NHTW lớn cắt giảm LS sẽ giúp bù đắp cho mức tăng trưởng yếu hơn ở Trung Quốc (TQ). Năm nay, TQ đặt mục tiêu **↑#5%**, thấp hơn tốc độ 5,2% của 2023. Tuy nhiên, WB dự báo GDP TQ sẽ **↑4,5%**. TQ đang chuyển sang con đường tăng trưởng cân bằng hơn nhưng việc kích thích các động lực mới không dễ dàng. "Thách thức với TQ là lựa chọn các chính sách hiệu quả". Trên toàn khu vực, WB cảnh báo xuất khẩu của các nước đang phát triển ở châu Á có thể phải hứng chịu các rào cản thương mại ở những thị trường tiêu thụ quan trọng như Mỹ, TQ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Gần 3.000 chính sách có tác dụng bảo hộ đã có hiệu lực từ 2023, gấp 3 lần sv 2019. Tăng trưởng sản lượng công nghiệp của các nước đang phát triển ở châu Á sẽ **↓½ điểm %** nếu lạm phát Mỹ tăng bất ngờ và LS bị duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn... Tỷ trọng đầu tư tư nhân trong GDP các nước khu vực cũng thấp hơn mức trước đại dịch. Tình trạng này gần đây được khắc phục nhờ đầu tư công **↑2** năm qua ở Việt Nam và Philippines nhưng giảm ở TQ, Malaysia và Thái Lan.

Trung Quốc bất ngờ đón ‘tin vui’ sau khi công bố hàng loạt dữ liệu mới



Khảo sát của Caixin cho thấy, hoạt động sản xuất trong tháng 3 của Trung Quốc (TQ) đã tăng trưởng mạnh nhất trong hơn 1 năm qua. Điều này chỉ ra nền KT TQ có phần tăng trưởng ổn định. PMI Caixin TQ vào tháng 3 đã đạt 51,1 điểm, mạnh nhất kể từ tháng 2/2023 và tăng từ mức 50,9 hồi tháng 2. Điều này được cho là nhờ số lượng đơn đặt hàng mới từ khách hàng trong và ngoài nước ngày càng tăng. Theo số liệu Cục Thống kê Quốc gia TQ, PMI tháng 3 chính thức đạt 50,8 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 3/2023 và mạnh hơn dự đoán đạt 49,9 điểm trong 1 cuộc khảo sát của Reuters. Kết quả lạc quan này được công bố sau dữ liệu về doanh số bán lẻ và xuất khẩu tốt hơn mong đợi thời gian gần đây, cho thấy khởi đầu năm mới tươi sáng đối với nền KT TQ. Tuần trước, Citibank đã nâng dự báo tăng trưởng của TQ trong 2024 lên 5% từ mức 4,6%, với lý do dữ liệu tích cực gần đây và việc TQ đưa ra những chính sách phù hợp. Tuy nhiên, 1 số nhà KT nhấn mạnh rằng, TQ có thể phải sử dụng các biện pháp kích thích mạnh mẽ hơn để đạt được mục tiêu tăng trưởng cho 2024. Niềm tin của DN TQ đã tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 4/2023 nhờ những tin tốt như giảm chi phí đầu vào. Chuyên gia KT cấp cao tại Caixin Insight Group cho biết: “Giá nguyên liệu thô giảm làm giảm chi phí sản xuất cho các nhà sản xuất, tạo điều kiện cho họ giảm giá trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt trên thị trường”. Tuy nhiên, các công ty cũng tỏ ra thận trọng trong việc bổ sung thêm nhân viên và các chỉ số phụ liên quan vẫn ở mức âm kể từ tháng 8 năm ngoái. Nền KT vẫn phải đối mặt với những cơn gió ngược và 1 số yếu tố bất lợi, vì vậy TQ cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa nhu cầu cả ở trong lẫn ngoài nước.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI – VIỆT NAM

	2024	2024
World Bank	2,4%	2,4%
IMF	3,1%	3,2%
OECD	2,9%	3,0%
UNCTAD		



	2024	2025
World Bank	5,5%	
ADB	6,0%	
OECD	5,9%	
IMF	5,8%	
UOB	6,0%	
HSBC		
Standard Chartered Bank	6,7%	
VNDirect		

Cập nhật theo dự báo mới nhất của các tổ chức



WEBSITE THAM KHẢO



Bảng chỉ số

<https://www.hsx.vn/>
<https://hnx.vn/vi-vn/hnx.html>
<https://www.bloomberg.com/markets/stocks>
<https://goldprice.org/vi>
<http://www.sjc.com.vn/>
https://www.sbv.gov.vn/TyGia/faces/TyGia.jspx?_afWindowMode=0&_afLoop=20457854754928577&_adf.ctrl-state=1a9g0kizgf_4

Tin Tài chính - Ngân hàng

<https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/den-ngay-253-tang-truong-tin-dung-dat-026-thap-hon-nhieu-so-voi-cung-ky-post342151.html>
<https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/xay-dung-cac-van-ban-quy-dinh-chi-tiet-va-huong-dan-thi-hanh-luat-cac-to-chuc-tin-dung-post342248.html>
<https://vietnambiz.vn/it-nhat-17-ngan-hang-da-cong-bo-lai-suat-cho-vay-binh-quan-thap-nhat-la-63nam-20244112261680.htm>

Tin Kinh tế Việt Nam

<https://vietstock.vn/2024/04/pmi-thang-32024-nhu-cau-giam-khien-san-luong-va-so-luong-don-dat-hang-moi-giam-768-1171123.htm>
<https://bnews.vn/tong-cuc-truong-nguyen-thi-huong-cac-kich-ban-tang-truong-deu-o-muc-kha-cao/328496.html>
<https://vietnambiz.vn/world-bank-viet-nam-co-tiem-nang-tang-truong-gdp-len-8-20244116426243.htm>

Tin Kinh tế quốc tế

<https://vnexpress.net/world-bank-kinh-te-chau-a-khong-tot-nhu-ky-vong-4729130.html>
<https://cafef.vn/nen-kinh-te-thu-2-the-gioi-bat-ngu-don-tin-vui-sau-khi-cong-bo-hang-loat-du-lieu-moi-188240401113424046.chn>